

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11/12/2020.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hữu và ông Lò Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký phiên tòa - Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2020/TLST-HN&GD ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị C; tên gọi khác: Không; năm sinh: 1995; nơi ĐKKHKT: Bản H, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; chỗ ở hiện nay: Bản K, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Tòng Văn H; tên gọi khác: Không; năm sinh: 1992; địa chỉ: Bản H, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. Có mặt.

3. *Người làm chứng:* Ông Tòng Văn T; sinh năm: 1964; địa chỉ: Bản H, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12 tháng 10 năm 2020, bản tự khai tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lò Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị C và anh Tòng Văn H, kết hôn với nhau ngày 14/01/2013, tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Cuộc sống chung kể từ khi kết hôn hạnh phúc được 02 năm thì nảy

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, chị C cho rằng anh H sử dụng ma túy, khi chị C khuyên can thì anh H không thay đổi dẫn đến vợ chồng cãi nhau, khi anh H đòi tiền chị C chưa kịp đưa cho anh H thì anh H đã đánh chị C, vì thương con nên chị C đã cố gắng nhẫn nhịn chung sống với anh H. Nhưng lần gần đây nhất anh H đánh chị C đến mức phải đi khâu vết thương ở mặt, khi đó chị C cũng đã mời tổ hòa giải của bản lên để hòa giải nhưng chị C không thể tiếp tục cuộc sống chung, nên chị C đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống cho đến nay. Chị C cũng không liên lạc với anh H, vì chị sợ bị anh H đánh do đó mỗi người đều có cuộc sống riêng. Đến nay chị C không còn tình cảm với anh H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Tòng Văn H.

Về con chung: Vợ chồng chị C và anh H có 02 con chung, cháu tên là Tòng Thị Kim H; sinh ngày 03/8/2013 và cháu Tòng Minh A; sinh ngày 09/7/2015. Khi ly hôn chị C nhận trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu H cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động vì chị cho rằng cháu H là con gái nên cần có sự chăm sóc của người mẹ để dạy cháu những kỹ năng chăm sóc bản thân trong sinh hoạt hằng ngày để phù hợp với cháu vì cháu là cháu gái; giao cho anh Tòng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Minh A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Vì mỗi người đều có trách nhiệm nuôi con chung nên không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị C có thu nhập mỗi tháng trung bình 7.000.000đ và nơi ở ổn định đảm bảo cho con. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C về giao nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị C đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Tòng Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh H cũng thống nhất như chị C trình bày về phần đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2017, sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh H phát hiện chị C không chung thủy với anh H, khi phát hiện anh H vì gia đình nên bỏ qua cho chị C. Đến năm 2018 thì giữa vợ chồng lại có lần cãi nhau lớn, nên chị C đã bỏ về nhà bố mẹ để ở; anh H đã lên đón chị C tại nhà bố mẹ đẻ của chị C và vợ chồng đã quay về chung sống. Trong thời gian này giữa hai vợ chồng đã không thống nhất được với nhau về việc chị C không đi làm mà ở nhà để chăm sóc các con, chỉ một mình anh H đi làm nhưng chị C không đồng ý mà tự ý đi làm, khi chị C đi làm đã không thông báo cho anh H biết nơi mình làm việc ở đâu, anh H liên lạc với chị chung cũng không được. Anh H cho rằng, việc chị C trình bày anh H sử dụng ma túy, bạo lực gia đình là không đúng sự thật. Đến nay chị C xin ly hôn anh H cũng đồng ý ly hôn. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về con chung: Thống nhất về con chung, như chị Lò Thị C đã trình bày. Khi ly hôn anh H nhận trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục 02 cháu Kim H và Minh A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Anh H

không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung; anh H có thu nhập mỗi tháng từ 10.000.000đ đến 11.000.000đ và có nhà ở ổn định đảm bảo đời sống cho các con. Đề nghị Tòa án giải quyết về giao nuôi con chung theo nguyện vọng của anh Hưng.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa ông Tòng Văn T là bố đẻ của anh Tòng Văn H trình bày: Ông Tiến thừa nhận giữa hai vợ chồng C - H có xảy ra mâu thuẫn, có lần cãi nhau chị C có chạy sang nhà bố mẹ chồng để tránh anh H. Việc chị C và anh H giải quyết ly hôn ông T không có ý kiến can thiệp, ông T mong muốn chị C và anh H thống nhất về giao con để các con có được một cuộc sống tốt nhất.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau: Về tố tụng: Đã thực hiện cơ bản theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của hai bên đương sự và kết quả xác minh của Tòa án cho thấy giữa chị C và anh H đã có sự mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống có xảy ra bạo lực gia đình, anh chị đã sống ly thân được một thời gian và trong thời gian sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc tới nhau đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng, làm cho đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình giải quyết cho chị C được ly hôn với anh H. Về con chung: Xét thấy cả hai vợ chồng đều có quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, để đảm bảo quyền lợi cho các con, đề nghị HĐXX áp dụng điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Tòng Thị Kim H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Giao cháu Tòng Minh A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Minh A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Vì mỗi người nuôi một con nên không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Chị C và anh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và được tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị C và anh H được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản, nợ chung không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị C, do chị C là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị Lò Thị C với anh Tòng Văn H thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lò Thị C nộp đơn khởi kiện, anh Tòng Văn H có nơi ĐKKHKT tại bản H,

xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Lò Thị C và anh Tòng Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 14/01/2013; hai anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc; vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của chị C và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Từ sự trình bày về cuộc sống hôn nhân của chị C và anh H thấy rằng: Giữa hai anh chị có mâu thuẫn với nhau về quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự tin tưởng, yêu thương, san sẻ với nhau. Để làm rõ hơn về mối quan hệ hôn nhân của chị C và anh H, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh H thông qua chính quyền địa phương là nơi quản lý trực tiếp đối với các hộ gia đình thì thấy: Thực tế tổ hòa giải của bản đã tiến hành hòa giải giữa hai anh chị khi có mâu thuẫn, đồng thời chính quyền cũng xác nhận anh H là đối tượng sử dụng ma túy và anh H có sử dụng bạo lực gia đình đối với chị C dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn chị C phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ những nội dung phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống của hai anh chị đã không còn hạnh phúc, anh H đã sử dụng bạo lực đối với chị C như vậy đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai anh chị đã có khoảng thời gian sống ly thân; do đó chị C xin ly hôn với anh H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị C, cho chị Lò Thị C ly hôn với anh Tòng Văn H.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lò Thị C và anh Tòng Văn H qua xác minh thì thấy cả chị C và anh H đều đi làm ăn xa nhà, do đó các con đều được gửi hết cho bà nội chăm sóc, như vậy vô hình chung việc chăm sóc cả hai cháu đều đặt lên vai người bà năm nay đã hơn 60 tuổi, do đó thấy rằng cần san sẻ trách nhiệm chăm sóc các cháu cho cả hai bên để các cháu có điều kiện sinh hoạt được thuận lợi và chu đáo hơn và bớt đi gánh nặng cho bà nội của các cháu, đồng thời trong quá trình xác minh bà ngoại của các cháu cũng tự nguyện sẽ chăm sóc cháu khi chị C phải đi làm xa để ổn định cuộc sống, ngoài ra Trưởng bản và phụ nữ bản kết cũng sẽ giúp đỡ chị C; trong quá trình giải quyết cháu H có thay đổi nguyện vọng được chung sống với bố hoặc mẹ, nhưng tại phiên tòa chị C cung cấp một đơn nguyện vọng của cháu H muốn ở cùng với mẹ. Như vậy, xét thấy yêu cầu giao con của chị C là có cơ sở đảm bảo cho việc đứa trẻ có điều kiện phát triển lành mạnh về cả thể chất lẫn linh thần, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung thì cần chấp nhận việc giao nuôi cháu H cho chị C. Còn đối với cháu Minh A, do chị C và anh H đều thống nhất giao cháu Minh A cho anh H nuôi dưỡng Hội đồng xét xử thấy rằng phù hợp nên cần chấp nhận. Vì vậy căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cho chị Lò Thị

C trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Thị Kim H; giao anh Tòng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Minh A. Do mỗi người đều có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lò Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị C được ly hôn với anh Tòng Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Thị Kim H; sinh ngày 03/8/2013 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; giao cho anh Tòng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Minh A; sinh ngày 09/7/2015 cho đến khi cháu Minh A đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Chị Lò Thị C và anh Tòng Văn H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị C và anh Tòng Văn H có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Lò Thị C và anh Tòng Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị C và anh H thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị C và anh Tòng Văn H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lò Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị C và anh Tòng Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 11/12/2020).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- UBND Q;
- Lưu.

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

